

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC CƠ
Số : 655/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đức Cơ, ngày 12 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xuất ngân sách huyện bổ sung cho Các đơn vị

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 cho các huyện, thị xã, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2021;

Xét đề nghị của Phòng Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 41/TTr-PGDĐT ngày 5/5/2021 về chi trả các chế độ học sinh, giáo viên được hưởng theo quy định ở các cơ sở giáo dục trong học kỳ II năm học 2020-2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xuất ngân sách huyện số tiền: **439.000.000 đồng** (Bốn trăm ba mươi chín triệu đồng), từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu, cấp bổ sung cho các đơn vị để thực hiện chi trả kinh phí thực hiện Nghị định số 86/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn. (Có bảng phân bổ kinh phí kèm theo).

Điều 2. - Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện lập thủ tục xuất ngân sách đúng nguồn, đúng quy định.

- Các đơn vị tiếp nhận kinh phí chi đúng mục đích và quyết toán đúng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính- Kế hoạch, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đức Cơ và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện; VP;
- Lưu VT-VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Mạnh Định

**BẢNG PHÂN BỐ KINH PHÍ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
THEO NGHỊ ĐỊNH 86/2015/CP, HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2020 - 2021**

(Kèm theo Quyết định số: 655 QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên trường	Tổng số HS được hỗ trợ	Mức hỗ trợ 100.000đ/t háng/HS	Tổng kinh phí hỗ trợ (4 tháng)	Số kinh phí còn tồn chuyển nguồn sang năm 2021 sử dụng	Số kinh phí cấp bổ sung	Ghi chú
1	2	3	4	5=3x4x4 tháng	6	7=5-6	8
I	Bậc Mầm non	325		130.000.000	5.000.000	125.000.000	-
1	Trường MN Vàng Anh	20	100.000	8.000.000		8.000.000	
2	Trường MN 17/3	61	100.000	24.400.000	2.600.000	21.800.000	
3	Trường MN Hải Âu	29	100.000	11.600.000		11.600.000	
4	Trường MN Bình Minh	54	100.000	21.600.000		21.600.000	
5	Trường MN Hoa Pơ Lang	1	100.000	400.000		400.000	
6	Trường MN Hoa Sen	54	100.000	21.600.000		21.600.000	
7	Trường MN Tuổi Thơ	37	100.000	14.800.000		14.800.000	
8	Trường MN Hoa Cúc	7	100.000	2.800.000	1.200.000	1.600.000	
9	Trường MN Hòa Bình	27	100.000	10.800.000	1.200.000	9.600.000	
10	Trường MN 18/4	20	100.000	8.000.000		8.000.000	Cấp qua tài khoản Phòng Giáo dục và Đào tạo
11	Trường MN Hoa Hồng	6	100.000	2.400.000		2.400.000	
12	Trường MN Sao Mai	8	100.000	3.200.000		3.200.000	
13	Trường MN Măng Non	1	100.000	400.000		400.000	
II	Bậc Tiểu học	537		214.800.000	4.000.000	210.800.000	-
1	Trường TH Trần Quốc Tuấn	30	100.000	12.000.000		12.000.000	
2	Trường TH Lê Văn Tám	109	100.000	43.600.000	3.200.000	40.400.000	
3	Trường TH Ngô Mây	66	100.000	26.400.000		26.400.000	
4	Trường TH Đinh Núp	31	100.000	12.400.000		12.400.000	
5	Trường TH Kim Đồng	1	100.000	400.000	400.000	0	
6	Trường TH Nguyễn Chí Thanh	37	100.000	14.800.000		14.800.000	
7	Trường TH Hùng Vương	49	100.000	19.600.000		19.600.000	
8	Trường TH Trần Phú	9	100.000	3.600.000		3.600.000	
9	Trường TH Phan Chu Trinh	5	100.000	2.000.000		2.000.000	
10	Trường TH Võ Văn Kiệt	55	100.000	22.000.000	400.000	21.600.000	
11	Trường TH Kpăh Klong	10	100.000	4.000.000		4.000.000	
12	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	2	100.000	800.000		800.000	
13	Trường TH Võ Thị Sáu	3	100.000	1.200.000		1.200.000	
14	Trường TH Cù Chính Lan	4	100.000	1.600.000		1.600.000	
15	Trường PTDTBT TH Lê Quý Đôn	97	100.000	38.800.000		38.800.000	
16	Trường TH Bùi Thị Xuân	29	100.000	11.600.000		11.600.000	



STT	Tên trường	Tổng số HS được hỗ trợ	Mức hỗ trợ 100.000đ/t háng/HS	Tổng kinh phí hỗ trợ (4 tháng)	Số kinh phí còn tồn chuyển nguồn sang năm 2021 sử dụng	Số kinh phí cấp bổ sung	Ghi chú
III	Bậc Trung học cơ sở	282		112.800.000	9.600.000	103.200.000	-
1	Trường THCS Trần Quốc Toàn	32	100.000	12.800.000		12.800.000	
2	Trường THCS Lê Lợi	20	100.000	8.000.000		8.000.000	
3	Trường THCS Nguyễn Huệ	28	100.000	11.200.000		11.200.000	
4	PTDTBT THCS Siu Bỉnh	36	100.000	14.400.000	5.200.000	9.200.000	
5	Trường THCS Lương Thế Vinh	88	100.000	35.200.000		35.200.000	
6	Trường THCS Nguyễn Trãi	3	100.000	1.200.000		1.200.000	
7	Trường THCS Nguyễn Hiền	9	100.000	3.600.000		3.600.000	
8	Trường THCS Lý Tự Trọng	33	100.000	13.200.000	1.200.000	12.000.000	
9	Trường THCS Phan Bội Châu	4	100.000	1.600.000	1.200.000	400.000	
10	Trường THCS Nguyễn Du	11	100.000	4.400.000		4.400.000	
11	Trường THCS Lê Hồng Phong	18	100.000	7.200.000	2.000.000	5.200.000	
* Tổng cộng (I+II+III)		1.144	-	457.600.000	18.600.000	439.000.000	

